

Soạn bài: Tổng kết về ngữ pháp (tiếp theo)

Soạn bài: Tổng kết về ngữ pháp (tiếp theo)

C. THÀNH PHẦN CÂU

I. Thành phần chính và thành phần phụ

Câu 1:

- Các thành phần chính:

- Chủ ngữ: Nêu chủ thể được nói đến ở vị ngữ. Thường đứng trước vị ngữ.
- Vị ngữ: nêu đặc trưng của chủ thể nói đến ở chủ ngữ. Thường đứng sau chủ ngữ.

- Các thành phần phụ:

- Trạng ngữ: thường đứng đầu câu, nêu hoàn cảnh, không gian, thời gian, cách thức, phương tiện, nguyên nhân, mục đích, ...
- Khởi ngữ: thường đứng trước chủ ngữ, nêu lên đề tài của câu nói.

Câu 3: Phân tích thành phần của các câu sau đây:

a.

- Chủ ngữ: *Đôi càng tôi*
- Vị ngữ: *mắm bóng*

b.

- Trạng ngữ: *Sau một hồi trống ... lòng tôi,*
- Chủ ngữ: *mấy người học trò cũ*
- Vị ngữ: *đến sắp hàng ... đi vào.*

<

c.

- Khởi ngữ: *Còn tấm gương ... tráng bạc,*
- Chủ ngữ: *nó*
- Vị ngữ: *vẫn là[...] hay độc ác.*

II. Thành phần biệt lập

Câu 1: Các thành phần biệt lập của câu.

- Thành phần tình thái: dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối

với sự việc được nói đến trong câu.

- Thành phần cảm thán: bộc lộ tâm lí của người viết.
- Thành phần gọi – đáp: để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.
- Thành phần phụ chú: bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.

Câu 2: Mỗi từ ngữ in đậm dưới đây là thành phần gì của câu?

- (a): "Có lẽ" là thành phần tình thái.
- (b): "Ngẫm ra" là thành phần tình thái.
- (c): "dừa xiêm thấp lè tè, quả tròn, nước ngọt, dừa nếp lơ lửng giữa trời, quả vàng xanh mơn mớn, dừa lửa lá đỏ, vỏ hồng,..." là thành phần phụ chú.
- (d): "Bẩm" là thành phần gọi đáp; "có khi" là thành phần tình thái.

D – CÁC KIỂU CÂU

I. Câu đơn

Câu 1:

- (a): Những nghệ sĩ – chủ ngữ; không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. – vị ngữ.
- (b): lời gửi của một Nguyễn Du, một Tôn-xtôi cho nhân loại – chủ ngữ; phức tạp hơn, cũng phong phú và sâu sắc hơn. – vị ngữ.
- (c): Nghệ thuật – chủ ngữ; là tiếng nói của tình cảm. – vị ngữ.
- (d): Tác phẩm – chủ ngữ; vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng. – vị ngữ.
- (e): Anh – chủ ngữ; thứ sáu và cũng tên là Sáu. – vị ngữ.

Câu 2: Các câu đặc biệt:

- (a): Có tiếng nói léo xéo ở gian trên. Tiếng mẹ chủ...
- (b): Một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi !
- (c): Những ngọn điện trên quảng trường lung linh như những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích nói về những xứ sở thần tiên. ; Hoa trong công viên. Những quả bóng sút vô tội vạ của bọn trẻ con trong một góc phố. Tiếng rao của bà bán xôi sáng có cái mủng đội trên đầu... ; Chao ôi, có thể là tất cả những cái đó.

II. Câu ghép

Câu 1: Các câu ghép

- (a): Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh.
- (b): Nhưng vì bom nổ gần, Nho bị choáng.

- (c) Ông lão vừa nói vừa chăm chăm nhìn vào cái bộ mặt lì xì của người đàn bà con họ ngại dẫn ra vì kinh ngạc ấy mà ông lão há hê cả lòng.
- (d): Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bật, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ.
- (e) Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái.

Câu 2: Phân tích kiểu quan hệ về nghĩa các vế trong những câu ghép vừa tìm được ở bài tập 1.

- (a): quan hệ bổ sung
- (b): quan hệ nguyên nhân – hệ quả
- (c): quan hệ bổ sung
- (d): quan hệ hệ quả - nguyên nhân
- (e): quan hệ mục đích - điều kiện.

Câu 3:

- (a): quan hệ tương phản
- (b): quan hệ bổ sung
- (c): quan hệ điều kiện – giả thiết.

Câu 4:

- (a):
 - Nguyên nhân: Vì quả bom tung lên và nổ trên không, nên hầm của Nho bị sập.
 - Điều kiện: Nếu quả bom tung lên và nổ trên không thì hầm của Nho không bị sập.
- (b):
 - Tương phản: Quả bom nổ khá gần, nhưng hầm của Nho không bị sập.
 - Nhượng bộ: Hầm của Nho không bị sập, tuy quả bom nổ khá gần.

III. Biến đổi câu

Câu 1: Câu rút gọn

- *Quen rồi.*
- *Ngày nào ít: ba lần.*

Câu 2: Các câu vốn là bộ phận của câu đứng trước được tách ra:

- Và làm việc có khi suốt đêm.
- Thường xuyên.
- Một dấu hiệu chẳng lành.

Câu 3: Câu bị động:

- Đồ gốm được người thợ thủ công Việt Nam làm ra từ khá sớm.
- Một cây cầu lớn sẽ được tỉnh ta bắc qua tại khúc sông này.
- Những ngôi đền ấy đã được người ta dựng lên từ hàng trăm năm trước.

IV. Các kiểu câu ứng với những mục đích giao tiếp khác nhau

Câu 1: Câu nghi vấn:

- Ba con, sao con không nhận?
- Sao con biết là không phải?

Câu 2: Các câu nghi vấn trong đoạn trích trên dùng để hỏi.

Câu 3: Câu cầu khiến:

- (a):

- Ở nhà trông em nhé! (dùng để ra lệnh)
- Đừng có đi đâu đấy. (dùng để ra lệnh)

- (b):

- Thì má cứ kêu đi. (dùng để yêu cầu)
- Vô ăn cơm! (dùng để mời)
- Cơm chín rồi! (vốn là câu trần thuật nhưng ở đây được dùng với mục đích cầu khiến.)

Câu 4:

- Câu "*Sao mày cứng đầu quá vậy, hả ?*" là câu nghi vấn.

Dựa vào lời trần thuật của nhà văn (*Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:*) có thể khẳng định câu này không dùng để hỏi mà dùng để bộc lộ cảm xúc.